

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ KHÁCH SẠN FLAMINGO
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ KHÁCH SẠN FLAMINGO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FLAMINGO HOSPITALITY MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: FHG., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108497965

3. Ngày thành lập: 02/11/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

63 Hàng Trống, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 37100809

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
2.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
3.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
4.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
5.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
6.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
7.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
8.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
9.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
10.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
11.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
12.	In ấn	1811
13.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
14.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
15.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
16.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
17.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
18.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
19.	Bốc xếp hàng hóa	5224

20.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
21.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
22.	Cơ sở lưu trú khác	5590
23.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
24.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
25.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
26.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
27.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
28.	Điều hành tua du lịch	7912
29.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
30.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
31.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
32.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
33.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
34.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	8620
35.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu	8699
36.	Hoạt động chăm sóc tập trung khác	8790
37.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
38.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
39.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
40.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
41.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
42.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
43.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
44.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
45.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
46.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639
47.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700
48.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
49.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
50.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
51.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
52.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
53.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921

54.	Chuyển phát	5320
55.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	5920
56.	Quảng cáo	7310
57.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thuốc lá điếu, xì gà, shisha, thuốc lá điện tử, thuốc lào và các sản phẩm thuốc lá, thuốc lào khác	4724
58.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
59.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
60.	Cho thuê xe có động cơ	7710
61.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
62.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
63.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
64.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
65.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
66.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
67.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
68.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
69.	Dịch vụ đóng gói	8292
70.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
71.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
72.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
73.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
74.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
75.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
76.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
77.	Bán buôn tổng hợp	4690
78.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá điếu, xì gà, shisha, thuốc lá điện tử, thuốc lào và các sản phẩm thuốc lá, thuốc lào khác	4711
79.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
80.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
81.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510(Chính)
82.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
83.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621

84.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
85.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
86.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5911
87.	Hoạt động chiếu phim	5914
88.	Đại lý du lịch	7911
89.	Hoạt động thể thao khác	9319
90.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
91.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
92.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
93.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512

6. Vốn điều lệ: 6.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ HÙNG VIỆT	Số 63 Hàng Trống, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	540.000	5.400.000.000	90,000	0101639071	
			Tổng số	540.000	5.400.000.000	90,000		
2	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	Số 510, nhà D1 Tập thể Việt Xô, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	5,000	0271730000 19	
			Tổng số	30.000	300.000.000	5,000		
3	NGUYỄN THƯỢNG QUÂN	Tổ 28, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	5,000	0010740147 33	
			Tổng số	30.000	300.000.000	5,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HỨA THU HÀ

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 20/01/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001184027280

Ngày cấp: 23/01/2018

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 262 phố Khâm Thiên, Phường Thổ Quan, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 262 phố Khâm Thiên, Phường Thổ Quan, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội